TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**
Số: **14**/2018/QĐST-HNGĐ *"V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con"*	*Vĩnh Thuận, ngày 02 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 11/2018/TLST/HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm: 1994; địa chỉ: ấp 3, xã V, huyện V, tỉnh K.

Bị đơn: Chị Hồ Như M, sinh năm: 1997; địa chỉ: ấp 3, xã V, huyện V, tỉnh K.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Thành Đ và chị Hồ Như M.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Tấn P, giới tính nam, sinh ngày 13/5/2017 (hiện nay cháu P đang chung sống với chị M). Xét thấy cháu P chưa đủ 36 tháng tuổi, giữa anh Đ và chị M thống nhất thỏa thuận giao cháu P cho chị M nuôi dưỡng, chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào Điều 81

của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 thống nhất giao cháu Nguyễn Tấn P, giới tính nam, sinh ngày 13/5/2017 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con, anh có quyền tới lui chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ nợ: Không nợ ai.

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ x 50% = 150.000đ. Các bên thỏa thuận anh Nguyễn Thành Đ chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình là 150.000đ, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005502 ngày 01/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận. Anh Đ được nhận lại 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Trí Lực (Thới Bình, Cà Mau);
- UBND xã Vĩnh Thuận;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Phượng